

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03-04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-32
Bảng cân đối kế toán	07-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 04 năm 2015 là 160.800.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn*) tương đương 16.080.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại sắt thép.

2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Tiến Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

12/10/15
CH
V/H

Số: 31/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được lập ngày 10 tháng 02 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

Nguyễn Thị Huệ

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2493-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.956.744.500	161.412.232.921
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	9.545.696.009	22.830.187.594
1. Tiền	111		9.545.696.009	22.830.187.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	19.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.875.128.337	67.609.356.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	83.506.362.364	48.771.985.137
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4.1	27.368.765.973	17.837.371.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4.2	-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4.2	-	1.000.000.000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	51.236.680.012	66.735.481.042
1. Hàng tồn kho	141		51.236.680.012	66.735.481.042
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		299.240.142	4.237.207.494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	59.380.660	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		239.859.482	4.237.207.494
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.769.162.074	30.855.634.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.752.028.747	855.634.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6.1	1.712.028.747	855.634.839
- Nguyên giá	222		3.627.090.908	2.399.454.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.915.062.161)	(1.543.819.706)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6.2	40.000.000	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	30.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.133.327	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	17.133.327	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.725.906.574	192.267.867.760

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.745.982.458	25.521.260.319
I. Nợ ngắn hạn	310		37.745.982.458	25.521.260.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9.1	11.224.222.359	6.315.388.729
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.9.2	833.128.331	88.492.987
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	6.508.364.946	1.782.378.603
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		100.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.11	266.822	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.8	19.080.000.000	17.335.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.8	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184.979.924.116	166.746.607.441
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.12	184.979.924.116	166.746.607.441
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.800.000.000	160.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.800.000.000	160.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		24.179.924.116	5.946.607.441
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.946.607.441	621.140.611
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.233.316.675	5.325.466.830
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222.725.906.574	192.267.867.760

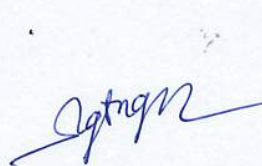
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Người lập



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

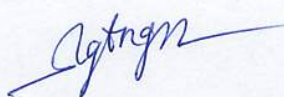
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.012.311.988.109	935.002.443.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.012.311.988.109	935.002.443.514
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	985.435.598.141	924.461.733.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.876.389.968	10.540.709.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	819.329.801	3.080.724
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.284.867.616	1.702.974.484
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.284.867.616	1.702.974.484
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7	806.205.398	790.501.331
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	2.197.117.525	1.220.280.555
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.407.529.230	6.830.034.300
12. Thu nhập khác	31		-	10.228.020
13. Chi phí khác	32	VII.6	31.482.212	-
14. Lợi nhuận khác	40		(31.482.212)	10.228.020
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.376.047.018	6.840.262.320
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	5.142.730.343	1.514.795.490
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.233.316.675	5.325.466.830
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.134	5.807
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

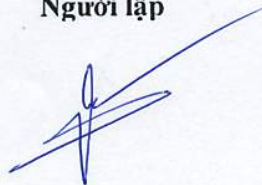
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.127.643.873.772	986.626.988.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.122.183.832.874)	(1.093.888.316.752)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.575.768.456)	(1.255.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.344.867.616)	(1.702.974.484)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(397.379.549)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.000.000.000	3.010.228.020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.990.846.663)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.151.178.614	(108.209.074.221)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.180.785.500)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.180.785.500	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		819.329.801	3.050.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.180.670.199)	(29.996.949.987)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			155.900.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		44.503.284.768	68.515.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.758.284.768)	(66.830.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.745.000.000	- 157.585.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.284.491.585)	- 19.378.975.792
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.830.187.594	3.451.211.802
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.01	9.545.696.009	22.830.187.594

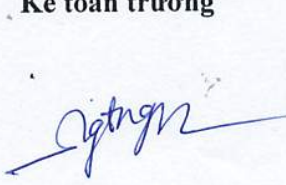
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Người lập



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Giám đốc



Lê Tiến Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 09 vào ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104890396 đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 02/04/2015 là 160.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn*).

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại sắt thép.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn sắt thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Thu gom rác thải độc hại;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Thu gom rác thải không độc hại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.).

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

13/
CÔ
NH
P.
HỆT
U2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Phần mềm kế toán	02 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

164
T
H
F
AA
-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau: Trong năm Công ty kinh doanh chủ yếu các loại hàng hóa như sắt, thép cây, thép cuộn....

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.197.936.144	1.185.376.481
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.347.759.865	21.644.811.113
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	9.545.696.009	22.830.187.594

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-	-
b2) Dài hạn						
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền - tỷ lệ sở hữu 37,5%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Cộng	49.000.000.000	49.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	83.506.362.364	-	48.771.985.137	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	51.798.403.987	-	25.795.585.355	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	9.038.243.093	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất TPC	-	-	666.846.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Oanh	23.237.350.400	-	10.048.057.074	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Nguyễn Anh	8.205.449.213	-	14.964.778.764	-
- Công ty TNHH Thương mại Hà Căn	11.317.361.281	-	115.903.517	-
Phải thu khách hàng khác	23.263.684.427	-	9.551.823.823	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)				
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	8.444.273.950	-	13.424.575.959	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	8.444.273.950	-	13.424.575.959	-
Tổng cộng	83.506.362.364	-	48.771.985.137	-

4.1. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	26.296.446.557	17.414.452.760
- Các Công ty khác	1.072.319.416	5.342.418.778
Cộng	27.368.765.973	22.756.871.538

4.2. PHẢI THU KHÁC VÀ PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	1.000.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	1.000.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	1.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. HÀNG TỒN KHO

Hàng hóa	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	51.236.680.012	-	66.735.481.042	-
Cộng	51.236.680.012	-	66.735.481.042	-

6.1. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	2.227.454.545	172.000.000	-	2.399.454.545
Tăng trong năm	-	-	645.454.545	582.181.818	-	1.227.636.363
- Mua trong năm			645.454.545	582.181.818		1.227.636.363
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	2.872.909.090	754.181.818	-	3.627.090.908
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	1.371.819.706	172.000.000	-	1.543.819.706
Tăng trong năm	-	-	371.242.455	-	-	371.242.455
- Số khấu hao trong năm			371.242.455			371.242.455
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.743.062.161	172.000.000	-	1.915.062.161
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	855.634.839	-	-	855.634.839
2. Tại ngày cuối năm	-	-	1.129.846.929	582.181.818	-	1.712.028.747

6.2. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
- Mua trong năm				40.000.000		40.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	59.380.660	-
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	59.380.660	-
b) Dài hạn	17.133.327	-
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.133.327	-
Cộng	76.513.987	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	19.080.000.000	19.080.000.000	44.503.284.768	42.698.284.768	17.335.000.000	17.335.000.000
<i>Vay ngắn hạn VND</i>	<i>19.080.000.000</i>	<i>19.080.000.000</i>	<i>44.503.284.768</i>	<i>42.698.284.768</i>	<i>17.335.000.000</i>	<i>17.335.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)</i>	<i>10.530.000.000</i>	<i>10.530.000.000</i>	<i>33.953.284.768</i>	<i>38.698.284.768</i>	<i>15.335.000.000</i>	<i>15.335.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Oaun đôi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (***)</i>	<i>5.650.000.000</i>	<i>5.650.000.000</i>	<i>5.650.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>b) Vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	19.080.000.000	19.080.000.000	44.503.284.768	42.698.284.768	17.335.000.000	17.335.000.000

(*) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Anh số 20/2015-HĐTDHM/NHCT144-CTCPDTPSS ngày 22 tháng 6 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 10.800.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ quy định trong từng khế ước nhận nợ, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(**) Hợp đồng tín dụng hạn mức Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương số 02/2015/3629234/HĐTD ngày 25 tháng 12 năm 2015 với hạn mức 50.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 11 năm 2016, lãi suất và thời hạn trả nợ được xác định theo từng hợp đồng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(***) Hợp đồng hạn mức tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm số 1502-LAV-201500849 ngày 15 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng 35.000.000.000 đồng, thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ xác định theo từng hợp đồng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

9.1. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.224.222.359	11.224.222.359	6.315.388.729	6.315.388.729
<i>Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp</i>	<i>8.920.790.883</i>	<i>8.920.790.883</i>	<i>5.456.014.663</i>	<i>5.456.014.663</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại GOLD SEA</i>	<i>2.013.337.620</i>	<i>2.013.337.620</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Natsteelvina</i>	<i>1.281.438.600</i>	<i>1.281.438.600</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả người bán khác</i>	<i>5.626.014.663</i>	<i>5.626.014.663</i>	<i>5.456.014.663</i>	<i>5.456.014.663</i>
Cộng	11.224.222.359	11.224.222.359	6.315.388.729	6.315.388.729
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-

9.2. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Anh Tuyên	400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Tây Bắc	-	88.450.086
- Phải trả cho các đối tượng khác	433.128.331	-
Cộng	833.128.331	88.450.086

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	-	101.231.198.570	101.231.198.570	-
- Thuế TNDN	1.762.174.152	5.142.730.343	397.379.549	6.507.524.946
- Các loại thuế khác	20.204.451	840.000	20.204.451	840.000
Cộng	1.782.378.603	106.374.768.913	101.648.782.570	6.508.364.946

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả, phải nộp khác	266.822	-
Cộng	266.822	-

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	4.900.000.000				621.140.611	5.521.140.611
Tăng vốn trong năm trước	155.900.000.000					155.900.000.000
Lãi trong năm trước					5.325.466.830	5.325.466.830
Giảm vốn trong năm trước						-
Số dư đầu năm nay	160.800.000.000	-	-	-	5.946.607.441	166.746.607.441
Tăng vốn trong năm nay	-					-
Lãi trong năm nay					18.233.316.675	18.233.316.675
Giảm vốn trong năm nay						-
Số dư cuối năm nay	160.800.000.000	-	-	-	24.179.924.116	184.979.924.116

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ		-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	160.800.000.000	160.800.000.000
Cộng		160.800.000.000	160.800.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	160.800.000.000	4.900.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	155.900.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	160.800.000.000	160.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.080.000	16.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.080.000	16.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế
 Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu
 Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông
 Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
18.233.316.675	5.325.466.830
16.080.000	917.077
1.134	5.807

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
 - Quỹ khen thưởng sắp xếp doanh nghiệp
 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
-	-
-	-
-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.012.311.988.109	935.002.443.514
1.012.311.988.109	935.002.443.514

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Hàng bán bị trả lại
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-	-
-	-

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng đã bán
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
985.435.598.141	924.461.733.568
985.435.598.141	924.461.733.568

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, cho vay
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
819.329.801	3.080.724
819.329.801	3.080.724

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.284.867.616	1.702.974.484
1.284.867.616	1.702.974.484

6. CHI PHÍ KHÁC

- Các khoản chi phí khác
Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
31.482.212	-
31.482.212	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	2.197.117.525	1.220.280.555
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.847.731.857	1.214.680.104
- Chi phí nhân công quản lý	1.015.260.031	774.917.254
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.242.455	416.414.155
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.229.371	23.348.695
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	349.385.668	5.600.451
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:	806.205.398	790.501.331
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	560.508.425	480.082.746
- Chi phí nhân viên	560.508.425	480.082.746
- Các chi phí bán hàng khác	245.696.973	310.418.585
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
Cộng	3.003.322.923	2.010.781.886

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.376.047.018	6.840.262.320
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.171.727
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Tổng thu nhập chịu thuế	23.376.047.018	6.885.434.047
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.142.730.343	1.514.795.490

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	1.575.786.456	1.255.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.242.455	416.414.155
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.615.039	251.249.029
- Chi phí khác bằng tiền	245.678.973	88.118.702
Cộng	3.003.322.923	2.010.781.886

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ**IX. Những thông tin khác**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay	CHỈ TIÊU	Thép cây	Thép cuộn	Khác	TỔNG CỘNG
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	778.396.169.466	205.123.936.581	28.791.882.062	1.012.311.988.109
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
	Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	778.396.169.466	205.123.936.581	28.791.882.062	1.012.311.988.109
	Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.527.681.152	5.689.489.855	659.218.961	26.876.389.968
	Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.003.322.923
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.873.067.045
	Doanh thu hoạt động tài chính				819.329.801
	Chi phí tài chính				1.284.867.616
	Thu nhập khác				-
	Chi phí khác				31.482.212
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				5.142.730.343
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				18.233.316.675
	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				1.267.636.363
	Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				433.352.107
	Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Năm trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thép cây	Thép cuộn	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	719.164.210.030	213.581.728.063	2.256.505.421	935.002.443.514
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	719.164.210.030	213.581.728.063	2.256.505.421	935.002.443.514
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.107.466.878	2.407.804.451	25.438.617	10.540.709.946
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.010.781.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.529.928.060
Doanh thu hoạt động tài chính				3.080.724
Chi phí tài chính				1.702.974.484
Thu nhập khác				10.228.020
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.514.795.490
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.325.466.830
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				416.414.155
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				416.414.155
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				416.414.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kế thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thép cây	Thép cuộn	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	124.652.490.661	32.848.580.957	4.610.736.731	162.111.808.349
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				60.614.098.225
Tổng tài sản				222.725.906.574
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	640.616.637	168.816.101	23.695.593	833.128.331
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				36.912.854.127
Tổng nợ phải trả				37.745.982.458
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	102.563.191.815	30.459.835.790	321.810.228	133.344.837.833
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				58.923.029.927
Tổng tài sản				192.267.867.760
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.925.594.117	1.462.832.672	15.454.926	6.403.881.715
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				19.117.378.603
Tổng nợ phải trả				25.521.260.318

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	5.347.759.865	21.644.811.113
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	49.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.506.362.364	49.771.985.137
Cộng	137.854.122.229	101.416.796.250

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	19.080.000.000	-		19.080.000.000
Phải trả người bán	11.224.222.359			11.224.222.359
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	266.822	-		266.822
Số đầu năm				
Các khoản vay	17.335.000.000	-		17.335.000.000
Phải trả người bán	6.315.388.729			6.315.388.729
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	-	-		-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SON

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.5 Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.545.696.009	9.545.696.009	22.830.187.594	22.830.187.594
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.506.362.364	(*)	49.771.985.137	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	19.000.000.000	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(19.080.000.000)	(19.080.000.000)	(17.335.000.000)	(17.335.000.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(11.224.222.359)	(11.224.222.359)	(6.315.388.729)	(6.315.388.729)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	111.747.836.014	(*)	78.951.784.002	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5 . Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	Số dư ngày 31/12/2015
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng	469.874.398.601	8.444.273.950

6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn đã được kiểm toán và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính như sau:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
A. Tài sản ngắn hạn			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	67.609.356.791	66.609.356.791
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.237.207.494	5.237.207.494

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Trần Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Lê Tiến Dũng